

SỐ 1522

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

Tác giả: Bồ-tát Thiên Thân.

Hán dịch: Đời Hậu Ngụy, Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lô Chi

QUYỂN 1

Địa 1: **ĐỊA HOAN HÝ**, Phần 1

Người nói pháp môn này,
Và các pháp khuyến thỉnh,
Người phân biệt nghĩa tạng,
Vâng giữ truyền bá ra.
Các pháp môn tối thắng,
Đảnh lễ giải diêu nghĩa,
Khiến pháp tồn tại lâu
Lợi mình và lợi người.

Pháp môn của mười địa, sơ địa (Địa thứ nhất) gồm tám phần:

1. Phần Tự (Mở đầu).
2. Phần Tam-muội.
3. Phần Gia hộ.
4. Phần Phát khởi.
5. Phần Căn bản.
6. Phần Thỉnh cầu.
7. Phần Thuyết giảng.

8. Phần Đối chiếu chỗ thù thắng.

Kinh: “Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Bà-già-bà thành đạo chưa lâu, đến ngày thứ mười bốn, tại điện Ma Ni Bảo Tạng, ở vương cung Tự Tại thiên, thuộc cõi trời Tha-hóa-tự-tại, cùng với chúng Đại Bồ-tát hiện diện đông đủ, hết thấy đều là bậc không còn thối chuyển, còn một đời nữa sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đều từ thế giới của các vị Phật khác vân tập đến pháp hội này. Các vị Bồ-tát ấy đều được tự tại trong cảnh giới trí tuệ của tất cả Bồ-tát, đều có thể bước vào cảnh giới trí tuệ của hết thảy Như lai, đều siêng năng tu tập không dừng nghỉ, khéo có thể giáo hóa mọi thế gian, tùy lúc hiện bày hết thảy các sự việc về thần thông, trong một sát na đều làm xong mọi chuyện, không bỏ sót một đại nguyện nào của hàng Bồ-tát đã phát khởi, luôn tu tập mọi hạnh của các bậc Bồ-tát ở bất cứ đời nào, kiếp nào, cõi nước nào, đầy đủ phước đức trí tuệ của hàng Bồ-tát, được thần túc như ý không bao giờ cùng tận, có khả năng đem ích lợi cho tất cả chúng sinh, sử dụng được phương tiện trí tuệ của hết thảy Bồ-tát để đạt tới bờ kia, có thể khiến cho chúng sinh quay lưng với nẻo thế gian mà hướng đến cửa Niết-bàn, không làm đứt mất mọi việc Bồ-tát đã hành trì, giỏi đi vào cảnh giới thiền định, Tam-muội giải thoát, thần thông, minh tuệ của tất cả Bồ-tát, đối với mọi việc cần làm đều khéo có thể thị hiện, đạt tự tại vô tác của bậc Bồ-tát, thấy đều chứng đắc mọi như ý thần túc, trong khoảnh khắc một niệm, có thể đi tới dự đại hội của chư Phật trong mười phương để khuyến phát, thừa thỉnh cách thọ trì pháp luân của hết thảy chư Phật, thường đem tâm rộng lớn cúng dường chư Phật, luôn tu tập theo sự nghiệp hành hóa của hàng Đại Bồ-tát, có thể hiện thân ở, vô lượng thế giới, tiếng nói vang xa, không đâu là không nghe thấy, tâm ý thông suốt, thấy rõ ba đời, tu tập đầy đủ mọi công đức hiện có của hết thảy Bồ-tát. Công đức của Bồ-tát Ma-ha-tát vô lượng vô biên như vậy, trong vô số kiếp nêu bày không bao giờ hết. Danh hiệu của chư vị là:

Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Thắng Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Nguyệt Tạng, Bồ-tát Tịnh Nguyệt Tạng, Bồ-tát Chiếu Nhất Thiết Thế Gian Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Trí Tuệ Phổ Chiếu Minh Tạng, Bồ-tát Diệu Thắng Tạng, Bồ-tát Chiên Đàn Thắng Tạng, Bồ-tát Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Câu Tố Ma Thắng Tạng, Bồ-tát Ưu Bát La Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Thiên Thắng Tạng, Bồ-tát Phước Đức Thắng Tạng, Bồ-tát Vô Ngại Thanh Tịnh Trí Tạng, Bồ-tát Công Đức Tạng, Bồ-tát Na La Diên Đức Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Tạng, Bồ-tát Ly

Cầu Tạng, Bồ-tát Chủng Chủng Lạc Thuyết Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Đại Quang Minh Võng Chiếu Tạng, Bồ-tát Tịnh Minh Thắng Chiếu Uy Đức Vương Tạng, Bồ-tát Đại Kim Sơn Tịnh Quang Minh Uy Đức Vương Tạng, Bồ-tát Nhất Thiết Tướng Trang Nghiêm Tịnh Thắng Tạng, Bồ-tát Kim Cang Diệm Thắng Hưng Tướng Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Diệm Xí Tạng, Bồ-tát Túc Vương Quang Chiếu Tạng, Bồ-tát Hư Không Khố Vô Ngại Trí Tạng, Bồ-tát Vô Ngại Diệu Âm Viên Tạng, Bồ-tát Đà La Ni Công Đức Trì Nhất Thiết Thế Gian Nguyên Tạng, Bồ-tát Hải Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Tu Di Thắng Tạng, Bồ-tát Tịnh Nhất Thiết Công Đức Tạng, Bồ-tát Như Lai Tạng, Bồ-tát Phật Thắng Tạng, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt.

Những Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, không thể nghĩ bàn, không thể nêu xưng, không thể lường tính, không có hạn lượng, từ vô số cõi nước của chư Phật vân tập tới đây, số lượng không thể nêu bày, không thể nói hết, Bồ-tát Kim Cang Tạng là bậc thượng thủ”.

Luận: So sánh về thời (thời gian) xứ (nơi chốn) để làm sáng tỏ sự vượt hơn. Pháp này là thù thắng cho nên được giảng nói vào lúc đầu, tại nơi chốn thù thắng. Cung điện của nơi ấy là hơn hết. Đó là nơi chốn thù thắng. Tại sao Phật không giảng nói pháp ở cõi Sắc? Ấy là quả được cảm ứng ở nơi chốn đó.

Vì sao Phật không giảng nói pháp vào bảy ngày đầu? Do Phật đang còn tư duy về việc làm, tư duy về nhân duyên của việc làm, vì căn bản của sự thành đạo là lợi tha.

Vì sao trong bảy ngày đầu, Phật chỉ tư duy mà không nói pháp? Vì Ngài nhằm chỉ rõ là mình đang hưởng nguồn vui của pháp lớn lao.

Tại sao chỉ rõ nguồn vui pháp nơi chính mình? Vì muốn khiến cho chúng sinh ở chỗ của Như Lai, tâm cung kính của họ được tăng lên.

Lại nữa, ra khỏi pháp lạc vi diệu như vậy để giảng nói pháp cho chúng sinh vì Ngài có lòng thương xót họ.

Do đâu Ngài chỉ nghĩ về việc làm nhân duyên hành hóa? Vì nhân duyên hành hóa ấy là sự hiển bày pháp Bất cộng.

Tại sao Bồ-tát nói pháp môn này? Vì muốn khiến diệu lực của các Bồ-tát được tăng trưởng.

Do đâu chỉ nói Kim Cang Tạng? Do tất cả phiền não là khó hủy hoại. Pháp môn này có khả năng phá trừ phiền não, vì căn thiện cứng chắc như kim cương, cho nên không nói tên khác.

Vì sao gọi là Kim Cang Tạng? Tạng có nghĩa là cứng chắc, như

cây bám rễ sâu trong lòng đất, như mầm nọ tàng ẩn bên trong. Do vậy, gọi là cứng như Kim Cang, như Kim Cang Tạng. Những căn thiện này, đối với hết thảy các căn thiện khác, chúng có sức mạnh tối thượng như kim cương, cũng có khả năng phát sinh và thành tựu đạo hạnh của hàng trời, người. Mọi căn thiện khác không thể phá hoại, cho nên gọi là Kim Cang Tạng.

Đã nói xong phần Tự. Tiếp theo là phần Tam-muội.

Kinh: “Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Kim Cang Tạng vâng theo oai thần của Phật, nhập vào Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát”.

Luận: Nhập vào Tam-muội tức là chỉ rõ pháp này không phải là cảnh giới suy lường.

Nói xong phần Tam-muội. Kế tiếp là nói phần Gia hộ.

Kinh: “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nhập vào Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát này, tức thì ông đã vượt qua các thế giới của chư Phật nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật nơi mười phương, rồi trước số lượng chư Phật nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật, ông đều hiện thân, đều gọi là Kim Cang Tạng, được chư Phật ấy khen ngợi: Hay lắm! Hay lắm! Chỉ có Kim Cang Tạng mới có thể nhập vào Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Chư Phật nhiều như số vi trần nơi mười ức cõi Phật trong mười phương như vậy đều cùng một hiệu, tăng thêm oai thần cho ông. Đó là diệu lực từ bản nguyện của Phật Lô-xá na gia hộ”.

Luận: Tại sao có nhiều Phật gia hộ như vậy? Đó là chỉ rõ sự tăng trưởng tâm cung kính đối với pháp và Pháp sư.

Do đâu cùng một tên là Kim Cang Tạng? Do diệu lực của bản nguyện gia hộ.

Vì sao Như lai phát nguyện như vậy? Là nhằm chỉ rõ nhiều Phật. Tam-muội này là Thể của pháp. Bản hạnh khi làm Bồ-tát đều tên là Kim Cang Tạng, cùng nói pháp này, nay thành Chánh giác, cũng gọi là Kim Cang Tạng cho nên không gia hộ tên gì khác.

Lại nữa, do nghe các Đức Như Lai cùng tên với mình, cho nên Bồ-tát này càng thêm vui thích phấn khích.

Tại sao không nói vượt qua vô lượng thế giới? Là dùng phương tiện để hiển bày về nhiều Phật.

Vì sao nói cố định là mười ức cõi Phật? Là vì giảng nói về mười địa. Kinh này phần nhiều nói về số mười như vậy. Đức Phật kia từ trước đã phát nguyện này, nay lại tự gia hộ. Sau có Phật khác gia hộ mà nói

là diệu lực từ bản nguyện của Phật Lô-xá-na, cho nên gia hộ.

Vì sao gia hộ? Vì giảng nói pháp này cho nên mới gia hộ.

Lại nữa, gia hộ như vậy nào?

Kinh: “Lại nữa, hết thấy Bồ-tát là không thể nghĩ bàn. Pháp của chư Phật được nêu bày rõ, khiến họ bước vào Địa trí tuệ, nhằm thâm nhiếp mọi căn thiện, để khéo phân biệt lựa chọn hết thấy pháp của Phật, để hiểu rộng các pháp, để khéo quyết định giảng nói các pháp, để trí không phân biệt được thanh tịnh, không xen tạp, để không bị nhiễm nơi pháp của các thứ ma, để cho căn thiện của pháp xuất thế gian được trong sạch, để đạt được cảnh giới của trí không thể nghĩ bàn, cho đến đạt được cảnh giới của trí nơi bậc Nhất thiết trí. Lại nữa, để được đầu cuối nơi mười địa của Bồ-tát, để giảng nói đúng như thật về phương tiện khác nhau nơi mười địa của Bồ-tát, để nhớ nghĩ tùy thuận nơi hết thấy pháp Phật, để quán xét phân biệt thấu đạt pháp vô lậu, để giải lựa chọn phương tiện của đại trí tuệ quang minh, để khiến bước vào cửa trí tuệ đầy đủ, để giúp tùy theo chỗ an trú chính thức giảng nói, làm rõ về biện tài, không sợ hãi, để được bậc trí vô ngại lớn lao, để luôn nhớ nghĩ không quên mất tâm Bồ-đề, nhằm giáo hóa, thành tựu hết thấy cảnh giới của chúng sinh, để thông suốt, phân biệt hết thấy lĩnh vực của pháp”.

Luận: Hai mươi câu trên đây là dựa vào hạnh lợi mình, lợi người của Bồ-tát mà gia hộ. Như vậy, mười câu đầu là dựa vào hạnh lợi mình, mười câu sau là dựa vào hạnh lợi người.

Hết thấy Bồ-tát trong này là trú ở bậc Tín hạnh. Pháp của chư Phật không thể nghĩ bàn vì nó là đạo phẩm xuất thế gian. Minh (rõ) là thấy trí được chứng đắc. Nêu bày (thuyết) là biết phân biệt ở trong đó. Nhập là tin ưa chỗ được chứng đắc. Trí tuệ địa là trí của mười địa.

Như trong phần căn bản nói, đây là sự hội nhập căn bản, như kinh đã nói: “Lại nữa, hết thấy Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, pháp của chư Phật nêu bày rõ khiến hội nhập vào Trí tuệ địa”.

Trong Tu-đa-la này nói: Nương vào chỗ căn bản để hội nhập, có chín loại nhập:

1. Nhiếp nhập (Hội nhập thâm nhiếp): Mọi căn thiện thâm nhiếp vào Văn tuệ, như Kinh: Thâm nhiếp tất cả căn thiện.

2. Tư nghị nhập (Hội nhập nghĩ bàn): Tư tuệ là trí phương tiện ở trong hết thấy các đạo phẩm, như Kinh: Khéo phân biệt, lựa chọn hết thấy pháp Phật.

3. Pháp tướng nhập (Hội nhập pháp tướng): Là vô lượng các loại

nhận biết trong ý nghĩa của hai loại nhập trên, như Kinh: Biết rộng các pháp.

4. Giáo hóa nhập (Hội nhập giáo hóa): Là theo sự nghĩ bàn về danh tự đầy đủ mà khéo giảng nói pháp, như Kinh: Khéo quyết định giảng nói các pháp.

5. Chứng nhập (Hội nhập chứng đắc): Là ở trong tất cả pháp bình đẳng, lúc trí đạt Kiến đạo khéo làm thanh tịnh, như Kinh: Trí không phân biệt được thanh tịnh không xen tạp. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh tức là tự thành tựu pháp Phật, cho nên lợi tha cũng gọi là tự lợi.

6. Bất phóng dật nhập (Hội nhập không buông lung): Là ở trong khi đạt Tu đạo, xa lìa tất cả phiền não chướng, như Kinh: Hết thấy pháp của ma không hề bị cấu nhiễm.

7. Địa địa chuyển nhập (hội nhập chuyển theo từng địa): Là trong đạo phẩm xuất thế gian, các căn thiện như không tham ... đều thanh tịnh, như Kinh: Căn thiện của pháp xuất thế gian đều thanh tịnh. Lại có căn thiện có thể làm nhân cho đạo phẩm xuất thế gian.

8. Bồ-tát tận nhập (Hội nhập tận cùng của Bồ-tát): Là ở trong Địa thứ mười, hội nhập nơi trí bí mật của tất cả Như Lai, như Kinh: Đạt được cảnh giới của trí không thể nghĩ bàn.

9. Phật tận nhập (Hội nhập tận cùng của Phật): Là trí hội nhập nơi Nhất thiết trí, như Kinh: Cho đến đạt được cảnh giới của trí nơi bậc Nhất thiết trí.

Những nhập nêu trên đây là sự đối chiếu về nghĩa sai biệt nơi trí, lần lượt chuyển lên tốt hơn, chứ không phải là nhập căn bản. Hết thấy chỗ nêu trong mười câu trên, đều có sáu loại tướng môn sai biệt. Đây gọi là giải thích, nên biết là nhằm dứt trừ sự việc.

Việc đó là ấm, giới, nhập. Sáu loại tướng là: Tổng tướng, Biệt tướng, Đồng tướng, Dị tướng, Thành tướng, Hoại tướng.

Tổng tướng là nhập căn bản. Biệt tướng là chín loại nhập kia. Biệt tướng nương dựa vào căn bản (nhập căn bản) làm viên mãn phần căn bản kia (thành tướng).

Tướng đồng (đồng tướng) là nhập. Tướng khác (dị tướng) là tướng thêm lên.

Tướng thành (thành tướng) là nói tóm lược. Tướng hoại diệt (hoại tướng) là nói rộng. Như chuyện thành hoại trong thế giới phân, còn lại trong tất cả mười câu thì theo nghĩa, loại mà hiểu.

Câu thứ hai mươi gọi là đạt được trọn vẹn nơi mười địa của Bồ-tát. Đầu-cuối căn bản này, trong đó đầu là tin tưởng muốn gần gũi. Cuối

có nghĩa là nhớ nghĩ giữ lấy các địa. Lại có A-hàm và chứng đắc. Như vậy, theo thứ tự nương vào tướng ban đầu, cho nên biết đó là nương vào đầu-cuối căn bản. Có mười loại đầu-cuối (thủy chung):

1. Thủy chung thâm nhiếp: Là trí của Tư tuệ theo nghĩa đã nghe mà thọ trì, giảng nói. Như Kinh: Như thật giảng nói về phương tiện khác nhau nơi mười địa của Bồ-tát.

2. Thủy chung về dục (mong muốn): Là khiến chứng đắc hết thấy pháp Phật. Như Kinh: Nhớ nghĩ tùy thuận nơi tất cả pháp Phật.

3. Thủy chung về hành: Là trong khi quán chiếu từng phần về đạo phẩm vô lậu, biết phân biệt tu tập cùng giác ngộ. Như Kinh: Quán chiếu thấu suốt, phân biệt pháp vô lậu.

4. Thủy chung về chứng đắc: Là phương tiện của trí vô ngã thấy pháp trong khi kiến đạo. Như Kinh: Khéo lựa chọn phương tiện sáng tỏ của đại trí tuệ quang minh, trong đó khéo lựa chọn là tối thắng nơi sự lựa chọn. Tối thắng là trí nhận biết pháp vô ngã. Đại trí tuệ là vượt khỏi Tiểu thừa. Quang minh (sáng tỏ) là đối trị với vô minh. Trong việc này, nơi thời gian khác đều khéo nhận biết.

5. Thủy chung về tu đạo: Là trí lực của trí xuất thế gian hội nhập nơi nghĩa của pháp. Như Kinh: Khiến nhập vào cửa trí ấy một cách đầy đủ.

Ở đây Bồ-tát đối với Bồ-đề có năm loại chướng:

1. Chướng ngại do không thể phá trừ tà luận: Mình cho là chánh nghĩa, nhưng người khác nói là có thể hủy hoại. Lại nữa như quyền thuộc ly tán.

2. Chướng ngại vì không thể trả lời nổi các vấn nạn: Những gì người khác hỏi thì mờ mịt không giải đáp nổi. Nếu có nói điều gì thì người ta cũng không tin nhận.

3. Chướng ngại vì tham vương Tiểu thừa: Chính mình không đủ khả năng đạt được đại Bồ-đề, mà còn từ bỏ việc làm ích lợi cho chúng sinh.

4. Chướng ngại do biếng trễ nơi việc giáo hóa chúng sinh: Trong đó đã bỏ hạnh lợi tha, không trợ giúp điều thiện cho kẻ khác, lại khiến cho căn thiện của mình không phát triển.

5. Chướng ngại vì không có trí phương tiện: Không thể khéo giáo hóa chúng sinh, cho nên hạnh Bồ-đề của mình không được đầy đủ.

Để đối trị năm chướng ngại này, có năm loại thủy chung :

1. Thủy chung có khả năng phá trừ chướng ngại của tà luận. Tùy theo những vương mắc của họ mà làm sáng tỏ ý nghĩa chính đáng của

mình. Không lo sợ khi đối trị nơi tà chấp, có biện tài tánh không tối tăm. Như Kinh: Tùy nơi chốn an trú mà nói chánh pháp, không lo sợ, biện tài sáng tỏ.

2. Thủy chung có khả năng trả lời những vấn nạn: Do chứng được đại trí địa vô ngại. Như Kinh: Đạt được đại trí địa vô ngại.

3. Thủy chung đối trị sự tham chấp Tiểu thừa: Do không lãng quên nguyện đại Bồ-đề, niệm đại Bồ-đề. Như Kinh: Luôn nghĩ nhớ, không quên mất tâm Bồ-đề.

4. Thủy chung đối trị sự biếng trễ nơi việc giáo hóa chúng sinh: Do không hề mỗi một khi làm lợi ích cho chúng sinh. Như Kinh: Giáo hóa thành tựu cho hết thấy chúng sinh giới.

5. Thủy chung đối trị chỗ không có trí phương tiện: Do phân biệt thông suốt được lĩnh vực năm minh. Như Kinh: Thông suốt, phân biệt hết thấy các lĩnh vực của pháp.

Đã nói tại sao phải gia hộ? Lại nói gia hộ như vậy nào? Nghĩa là gia hộ nơi thân khẩu ý. Thế nào là gia hộ nơi miệng (khẩu)?

Kinh: “Lại nữa, thiện nam! Ông hãy biện luận để giảng nói về cách sử dụng phương tiện khác nhau của pháp môn này. Nhờ vào thần lực của chư Phật, trí sáng của Như lai gia hộ, cho nên căn thiện của mình thanh tịnh thì pháp giới thanh tịnh, làm lợi ích cho mọi cõi chúng sinh. Có Pháp thân, Trí thân, chánh thọ hết thấy quả vị Phật, đạt được thân hết sức cao lớn hơn hết trong tất cả thế gian, vượt qua hết thấy đạo thế gian, đạo thanh tịnh là pháp xuất thế gian, có được đầy đủ trí của bậc Nhất thiết trí”.

Luận: Trong mười câu này, biện tài theo chỗ đạt được nghĩa của pháp, luôn nhớ nghĩ giữ gìn không quên mà nói.

Các pháp môn là pháp của mười địa.

Sai khác là mọi thứ danh-tướng. Pháp này là thành tựu khéo léo, cho nên gọi là phương tiện. Nương vào biện tài căn bản có hai loại biện tài:

1. Biện tài do sức của người khác.
2. Biện tài do chính khả năng của mình.

Biện tài do sức của người khác là nhờ vào thần lực của Phật. Thế nào là nương nhờ vào thần lực của Phật? Là trí lực của Như lai gia hộ một cách rõ ràng. Như Kinh: Vâng theo thần lực của chư Phật, được trí sáng của Như lai gia hộ.

Biện tài do chính khả năng của mình có bốn loại:

1. Biện tài làm thanh tịnh pháp thiện. Như Kinh: Do căn thiện của

chính mình thanh tịnh.

2. Biện tài làm thanh tịnh pháp vô tác. Như Kinh: Pháp giới thanh tịnh.

3. Biện tài làm thanh tịnh việc giáo hóa chúng sinh. Như kinh nêu: Làm lợi ích cho mọi cõi chúng sinh.

4. Biện tài làm thanh tịnh tự thân: Nơi thân thanh tịnh ấy hiện bày ba loại tận cùng: Một là tận cùng của Bồ-tát có hai loại lợi ích. Hai là sự tận cùng không đồng với hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật. Ba là tận cùng của Phật.

Tận cùng của Bồ-tát tức là Pháp thân rời khỏi tâm-ý-thức, chỉ nương tựa vào trí. Như Kinh: Pháp thân, Trí thân.

Hai loại lợi ích: Một là lợi ích của quả báo hiện tại, nhận lấy quả vị Phật. Hai là lợi ích của quả báo về sau. Sinh về nơi trí của Ma-hê-thủ-la. Như Kinh: Chánh thọ hết thấy quả vị Phật, đạt được thân to cao bậc nhất trong thế gian thế gian.

Sự tận cùng không đồng với hàng Nhị thừa là lúc độ năm đường, là làm thanh tịnh nẻo Niết-bàn. Như Kinh: Vì vượt qua hết thấy nẻo thế gian, cho nên con đường của pháp xuất tất cả là thanh tịnh.

Sự tận cùng của Phật là nhập vào trí Nhất thiết trí viên mãn. Như Kinh: Đạt được đầy đủ trí của bậc Nhất thiết trí.

Biện tài từ lực của chính mình là đối chiếu chuyển theo nẻo càng cao hơn, thù thắng hơn.

Đã nói xong việc gia hộ cho miệng. Thế nào là gia hộ cho ý?

Kinh: “Bấy giờ chư Phật ban cho Bồ-tát Kim Cang Tạng thân chân thật không còn sợ hãi.

Ban cho biện tài giảng nói pháp không bị chướng ngại.

Ban cho sự hội nhập khéo làm thanh tịnh mọi sai biệt của trí.

Ban cho sự gia hộ khéo nhớ nghĩ không quên mất.

Ban cho phương tiện khéo quyết định về ý thức.

Ban cho Nhất thiết trí bao trùm khắp mọi nơi chốn.

Ban cho diệu lực không hủy hoại của chư Phật.

Ban cho sự không lo sợ, không khiếm nhược của Như Lai.

Ban cho chánh kiến phân biệt pháp, không bị trở ngại nơi trí của bậc Nhất thiết trí.

Ban cho sự khéo phân biệt về thân khẩu ý phát khởi trang nghiêm của hết thấy Như Lai”.

Luận: Mười câu nói về sự gia hộ cho ý này, thì thân không sợ hãi có hai loại:

Một là ban cho thân oai đức tối thắng không ai hơn, như vua ở giữa đám đông cư xử tự tại, không hề sợ hãi.

Hai là ban cho thân biện tài không sợ hãi. Sắc thân trước hơn sắc thân sau cho nên gọi là Thân vượt hơn. Gọi là thân ấy có chín loại:

Một là biện tài không vướng mắc: Là thuyết pháp không bị đứt đoạn, không vấp vấp. Như Kinh: Ban cho biện tài ưa thuyết giảng không chướng ngại.

Hai là biện tài gắng nhận: Là khéo làm thanh tịnh trí kham nhận, có bốn loại là Duyên-Pháp-Tạo tác và Thành tựu.

Giỏi nhận biết, biết tướng thành hay không thành của nghĩa ấy. Như Kinh: Ban cho sự khéo hội nhập vào chỗ khác nhau của trí thanh tịnh.

Ba là biện tài buông mở: Là thuyết giảng không theo thứ tự ngôn từ không đứt đoạn, nơi nơi đều hợp ý không quên mất danh nghĩa. Như Kinh: Ban cho khả năng giỏi nhớ nghĩ, gia hộ khiến không quên mất. Sự gia hộ không quên này là gia hộ về ý lược.

Bốn là biện tài có thể nêu bày: Là tùy chỗ cho nên hóa độ, dùng nhiều loại thí dụ để có thể đoạn trừ nghi ngờ. Như Kinh: Ban cho phương tiện để khéo quyết định về ý.

Năm là biện tài không lẫn lộn: Là ba loại đồng tướng, mà trí thường hiện diện. Như Kinh: Ban cho Nhất thiết trí bao trùm khắp mọi nơi chốn.

Sáu là biện tài giáo hóa xuất ly: Là đạt được mười lực không hư hoại của Phật đối với kẻ đáng hóa độ thì giúp họ dứt trừ phiền não. Như Kinh: Ban cho diệu lực không hư hoại của chư Phật.

Bảy là biện tài không sợ hãi: Là đạt được quyết định không sợ hãi của Phật đối với ngôn thuyết của kẻ khác không hề khiếm nhược. Như Kinh: Ban cho sự không sợ hãi, không khiếm nhược của Như Lai.

Tám là biện tài vô lượng: Đối với Nhất thiết trí, tùy thuận để giảng nói các pháp nơi Tu-đa-la như sáu loại chánh kiến ... Như Kinh: Ban cho chánh kiến để phân biệt pháp không chướng ngại nơi trí của bậc Nhất thiết trí.

Chín là biện tài đồng hóa: Là đạt được thân vô úy của tất cả chư Phật, cùng với ba loại giáo hóa tùy chỗ đáng hóa độ mà hiển bày ba nghiệp thù thắng để thần hóa. Như Kinh: Ban cho sự phát khởi trang nghiêm của thân khẩu ý để khéo phân biệt của hết thảy Như Lai.

Lại nữa, chư Phật có diệu lực, có từ bi, vì sao dùng mười loại thân không sợ hãi, chỉ gia hộ cho Bồ-tát Kim Cang Tạng mà không gia hộ

cho vị khác?

Kinh: “Tại sao? Do đạt được pháp Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát, cũng là dấy khởi bản nguyện của Bồ-tát, do khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa, khéo làm thanh tịnh trí viên mãn, khéo tích tập pháp trợ đạo, do khéo tu hành bản nghiệp, do nhớ nghĩ, giữ gìn vô lượng pháp, do tin hiểu pháp thanh tịnh quang minh, do khéo đạt được Đà-la-ni môn bất hoại, do pháp giới ấn chứng, pháp thiện và trí tuệ”.

Luận: Vì Bồ-tát này được pháp Tam-muội Đại thừa quang minh, còn những vị khác thì không đạt được.

Được pháp Tam-muội có hai loại:

1. Bản nguyện được thành tựu ngay đây, như Kinh: Cũng là dấy khởi bản nguyện của Bồ-tát.

2. Thân Tam-muội gồm thấu mọi công đức. Thân Tam-muội gồm thấu mọi công đức này có tám loại, nương vào tự lợi, lợi tha:

Một là Nhân thanh tịnh: Tâm sâu xa hướng đến Bồ-tát địa cho nên hết sức thanh tịnh. Như Kinh: Khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa. Tâm sâu xa là tin tưởng, vui thích. Lại là căn bản của mọi pháp thiện.

Hai là Trí thanh tịnh: Là hướng đến chỗ tận cùng của Bồ-tát địa với trí quán chân như của bậc tu đạo. Như Kinh: Khéo làm thanh tịnh trí viên mãn. Quán chân như này là nội trí viên mãn, soi sáng khắp pháp giới cũng như ánh sáng của vầng mặt trời chiếu tỏa cùng khắp.

Ba là Thân chuyển thanh tịnh: Là đời đời chuyển hơn, khéo hành trì cho nên thành tựu viên mãn. Như Kinh: Khéo gom góp pháp trợ đạo.

Bốn là Tâm điều phục thanh tịnh: Là khéo đoạn trừ tập khí phiền não. Như Kinh: Khéo tu hành theo bản nghiệp.

Năm là Lãnh hội thấu nhiếp thanh tịnh: Là có thể gánh vác, thọ nhận, giữ gìn hết thủy pháp bí mật do Như Lai giảng nói. Như Kinh: Nhớ giữ lấy vô lượng pháp.

Sáu là Thần thông thanh tịnh: Là đạt được thần thông thù thắng tự tại. Như Kinh: Tin hiểu pháp quang minh thanh tịnh, đem tín lực quyết định để giữ lấy thần thông.

Bảy là Biện tài thanh tịnh: Là khéo nhận biết về môn Đà-la-ni không trái nhau. Như Kinh: Khéo đạt được môn Đà-la-ni bất hoại. Trong này, chữ nơi chương đầu hiện có là môn Đà-la-ni. Mỗi mỗi tự môn thấu nhiếp vô lượng danh cú-tự thân.

Không hư hoại là trước sau không trái nhau.

Tám là Lìa kiêu mạn thanh tịnh: Là trí chân thật dạy bảo truyền

trao không có gì khác nhau. Như Kinh: Pháp giới đã ấn chứng về pháp thiện và trí tuệ. Ở đây, thân Tam-muội gồm thân công đức có bốn loại, dựa vào nhân tự lợi: Khéo làm thanh tịnh tâm. Khéo làm thanh tịnh trí viên mãn. Khéo gom góp các pháp trợ đạo. Khéo tu trì theo bản nghiệp.

Bốn câu trong phần Tu-đa-la này, theo thứ tự nêu bày là: Nhân tinh tiến, nhân không quên mất, nhân uy lực và nhân không bị cấu nhiễm.

Lại nữa, dựa vào nhân lợi tha cũng có bốn loại:

Nhớ giữ vô lượng pháp là nhân đoạn trừ nghi hoặc.

Tin hiểu pháp quang minh thanh tịnh là nhân của sự tôn kính.

Dùng sức thần thông thị hiện chỗ chẳng thể nghĩ bàn, khiến những ai trông thấy đều phát sinh sự quyết định tin tưởng, hội nhập khéo đạt được môn Đà-la-ni bất hoại là nhân để chuyển diệu lý của pháp.

Khi chánh pháp hoại diệt, nhờ vào sự tôn trọng pháp còn lại cho nên vẫn đọc tụng, giữ gìn pháp giới ấn chứng về pháp thiện, trí tuệ là nhân của sự giáo hóa truyền trao pháp xuất ly.

Giáo hóa như vậy, chính mình được lợi, không quên mất.

Đã nói xong sự gia hộ về ý. Thế nào là gia hộ về thân? Là xoa nơi đỉnh đầu tạo sự hiểu biết.

Kinh: “Bấy giờ, mười phương chư Phật không rời bốn xứ, đều dùng sức thần thông, đưa tay bên phải sờ vào đỉnh đầu của Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng”.

Luận: Không ra khỏi bản xứ mà xoa đầu ở đây, là thị hiện rõ thần lực thù thắng. Nếu tới nơi này mà xoa đầu thì không phải là điều kỳ lạ. Như vậy, thần thông như ý này không phải như các thứ thần thông khác.

Đã nói xong phần Gia hộ. Thế nào là phần Phát khởi?

Kinh: “Sau khi chư Phật xoa đầu Bồ-tát Kim Cang Tạng rồi, bấy giờ Bồ-tát Kim Cang Tạng liền từ Tam-muội đứng lên”.

Luận: Liền từ Tam-muội đứng lên nghĩa là do hành Tam-muội đã xong, lại được lực thù thắng, khi giảng nói, lại đạt đến định không còn nói năng.

Đã nói xong phần Phát khởi. Thế nào là phần căn bản?

Kinh: “Sau khi đứng lên ra khỏi Tam-muội, liền nói với các Bồ-tát: Nay các Phật tử! Thệ nguyện của các Bồ-tát ấy là khéo quyết định, không xen tạp, không thể thấy, rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, che chở cho hết thủy cảnh giới chúng sinh suốt tận đời vị lai.

Này các Phật tử! Các Bồ-tát ấy mới có thể bước vào trí địa của chư Phật quá khứ, mới có thể bước vào trí địa của chư Phật vị lai, mới có thể bước vào trí địa của chư Phật hiện tại. Này các Phật tử! Mười địa của Bồ-tát này là chư Phật trong quá khứ-vị lai và hiện tại đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ giảng nói. Ta nhân nơi sự việc ấy mà giảng nói như vậy. Những gì là mười địa? Địa Hoan hỷ. Địa Ly cấu. Địa Minh. Địa Diễm. Địa Nan thắng. Địa Hiện tiền. Địa Viễn hành. Địa Bất động. Địa Thiện tuệ. Địa Pháp vân.

Này các Phật tử! Mười địa của Bồ-tát này, chư Phật thời quá khứ-vị lai-hiện tại đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ giảng nói. Này các Phật tử! Ta không thấy có thể giới của chư Phật nào với các Đấng Như Lai ở nơi đó, lại không khen ngợi việc giảng nói mười địa của Bồ-tát này. Vì sao? Vì đây là pháp thắng diệu tăng thượng của Đại Bồ-tát, cũng là pháp môn quang minh của Bồ-tát, nghĩa là phân biệt sự việc của mười địa.

Này các Phật tử! Sự việc này là không thể nghĩ bàn. Đó là trí tuệ của các Bồ-tát nơi các địa”.

Luận: Tại sao không thỉnh cầu mà giảng nói? Vì nếu không giảng nói thì đại chúng không biết là giảng nói hay không giảng nói. Lại nữa, không biết là định giảng nói pháp gì.

“Thệ nguyện khéo quyết định” là như phần địa thứ nhất nói về việc phát tâm Bồ-đề, tức là thệ nguyện trong phần căn bản này, nên biết!

Khéo quyết định là trí chân thật thâm nhiếp. Khéo quyết định là giỏi quyết định. Người này đã bước vào địa thứ nhất, không phải thuộc về Tín địa. Sự giỏi quyết định này có sáu loại:

1. Giỏi quyết định quán tướng: Là quán chân như với tướng một vị. Như Kinh: Không xen tạp.

2. Giỏi quyết định chân thật: Tức không phải là cảnh giới của tất cả thế gian hay xuất thế gian. Như Kinh: Không thể trông thấy.

3. Giỏi quyết định thù thắng: Là đại pháp giới, là căn bản của hết thảy Phật. Như Kinh: Rộng lớn như pháp giới. To lớn, cao rộng hơn hẳn là cùng một Thể nhưng với tên gọi khác, là nghĩa của pháp tướng. Là pháp như nhiên nơi hết thảy pháp. Lại nữa, quán về đại chân như của pháp giới là vượt hơn trí của hàng phàm phu, nhị thừa là pháp như nhiên của pháp tịnh. Lại nữa, phương tiện lớn của pháp giới tập hợp các địa, nghĩa là nói về pháp như nhiên của pháp Đại thừa. Thêm nữa, là pháp như nhiên của pháp thiện nơi pháp giới, của pháp đại bạch nơi pháp

giới.

4. Giới quyết định về nhân có hai loại:

Giới quyết định về nhân của quả ái thành vô thường. Nhân này như hư không, nương vào đó mọi sắc phát sinh, cho nên sắc không cùng tận. Như Kinh: Rốt ráo như hư không.

Giới quyết định về nhân của quả thường, đạt được đạo Niết-bàn. Như Kinh: cùng tận đến đời vị lai.

5. Giới quyết định về sự lớn lao: Là tùy thuận làm việc lợi người. Như Kinh: Che chở cứu giúp cho cảnh giới của tất cả chúng sinh. Kế đến là giới quyết định như trước, vì nguyện này không một mực chấp vào Niết-bàn hay thế gian.

6. Giới quyết định không khiếm nhược: Là hội nhập nơi trí địa của hết thầy chư Phật, không khiếm nhược. Như Kinh: Này Phật tử! Các vị Bồ-tát ấy chính là vào đến trí địa của chư Phật hiện tại.

Lại nữa, mười địa này đã sinh khởi, thành tựu, giữ vững trí Phật. Như Kinh: Này chư Phật tử! Mười địa của Bồ-tát này là chư Phật quá khứ-vị lai-hiện tại đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ giảng nói.

Giới quyết định ở đây là Tổng tướng, phần còn lại là Biệt tướng.

Đồng tướng là giới quyết định. Dị tướng là Biệt tướng. Thành tướng là nói tóm lược. Hoại tướng là nói rộng, như sự thành hoại của thế giới.

Tại sao quyết định giảng nói về mười địa của Bồ-tát?

Là để đối trị mười loại chướng ngại. Những gì là mười loại chướng ngại?

1. Chướng ngại chấp về ngã tướng của hàng phàm phu.
2. Chướng ngại của thân chúng sinh theo hành tà.
3. Chướng ngại do quên mất, u tối đối với các pháp văn-tư-tu.
4. Chướng ngại do kiêu mạn đối với việc lãnh hội pháp.
5. Chướng ngại do ngã mạn đối với thân thanh tịnh.
6. Chướng ngại do tập khí của phiền não vi tế.
7. Chướng ngại do tướng tập khí tinh vi.
8. Chướng ngại do chấp có hành đối với vô tướng.
9. Chướng ngại do không thể tạo lợi ích cho chúng sinh.
10. Chướng ngại do không được tự tại trong các pháp.

Tại sao nơi mười địa, phần đầu gọi là Hoan hỷ, cho đến địa thứ mười gọi là Pháp vân? Do thành tựu hạnh tự lợi-lợi tha vô thượng, phần đầu là chứng được cõi Thánh, sinh nhiều vui mừng, cho nên gọi là địa Hoan hỷ.

Lìa bỏ mọi thứ cấu uế của phiền não, phạm giới có thể dấy khởi tâm sai lầm, giới pháp thanh tịnh đầy đủ cho nên gọi là địa Ly cấu.

Theo văn-tư-tu, làm cho pháp sáng chói hiển hiện cho nên gọi là địa Minh.

Lửa trí tuệ không quên thiêu rụi mọi củi phiền não cho nên gọi là địa Diệt.

Đạt được trí xuất thế gian với phương tiện thiện xảo, có thể hóa độ kẻ khó độ cho nên gọi là địa Nan thắng.

Thực hành Bát nhã Ba-la-mật theo thời gian đại trí tuệ hiện tiền cho nên gọi là địa Hiện tiền.

Khéo tu hạnh vô tướng, công dụng rất ráo, có khả năng vượt khỏi thế gian hàng Nhị thừa và đạo xuất thế gian cho nên gọi là địa Viển hành.

Quả báo nơi hành đã thuần thực, vô tướng, không gián đoạn, cho nên gọi là địa Bất động.

Điều lực vô ngại, giảng nói pháp thành tựu hạnh lợi tha cho nên gọi là địa Thiện tuệ.

Đạt được đại pháp thân đầy đủ tự tại, cho nên gọi là địa Pháp vân.

Như vậy là nhận lãnh quả vị Pháp vương, như Thái tử được tự tại đối với các vương tử. Ở đây vẫn còn một chút chướng ngại đối với trí, cho nên không hoàn toàn tự tại. Đối trị chướng ngại này cho nên nói Phật địa. Lại như ở trong thai tạng, mười địa của Bồ-tát cũng lại như vậy. Do các địa có chướng ngại cho nên như lúc sinh con, lúc thành Phật cũng như vậy, tức là đã làm xong hết mọi việc. Lại nữa, như khi sinh ra, các căn đều nhận biết. Phật cũng như vậy, đối với tất cả cảnh giới, trí đều thông tỏ.

Tạng có mười thời kỳ:

1. Thời gian mang thân Đà-la-bà.
2. Thời gian mang thân Áp-la-bà.
3. Thời gian mang thân Thi-la-tha.
4. Thời gian thân cứng chắc.
5. Thời gian hình vóc giống với sắc thân.
6. Thời gian tính giống với thân.
7. Thời gian thân nghiệp động.

8. Thời gian thân đầy đủ. Trong đó có ba: Thời gian các căn đầy đủ. Thời gian tướng nam nữ khác nhau đầy đủ. Thời gian các tướng dài rộng đầy đủ.

Với mười chặng thời gian như vậy, các địa đều giống nhau.

“Này các Phật tử! Ta không thấy có thế giới của chư Phật với các bậc Như Lai ở đó, lại không khen ngợi việc nêu giảng mười địa của Bồ-tát này”:

Làm sáng tỏ pháp thù thắng ấy, là nhằm khiến cho đại chúng lúc ấy tăng thêm khát vọng chiêm ngưỡng.

Thế giới của Phật là ở nơi đó đã thành tựu Phật đạo. Dụ như ruộng lúa. Đến đó làm việc Phật, cũng gọi là thế giới của Phật.

Khen ngợi việc thuyết giảng: Ở đây có hai loại là

1. Thuyết giảng về nghĩa A-hàm.

2. Nghĩa chứng nhập.

Ma-ha-tát có ba loại lớn:

1. Nguyên lớn.

2. Hành động lớn.

3. Làm lợi ích cho chúng sinh lớn.

Pháp thắng diệu là pháp môn này thù thắng tột bậc trong các pháp môn.

Quang minh là pháp Đại thừa này chiếu sáng cho hết thảy pháp môn khác.

Pháp môn tức là pháp.

Phân biệt sự việc của mười địa là hiển bày, chỉ rõ về pháp đã được nhận biết của trí thế gian. Việc này là không thể nghĩ bàn.

Đó là trí tuệ nơi các địa của Đại Bồ-tát: Tức là chỉ rõ về trí xuất thế gian, đây không phải là sự phân biệt của thế gian về trí địa có thể thành lập được đạo thanh tịnh của Bồ-tát.

Đã nói xong phần Căn bản. Thế nào là phần Thỉnh cầu?

Kinh: “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng, sau khi giảng nói xong về tên gọi nơi mười địa của Bồ-tát, thì lặng yên an trú, không phân biệt nữa. Khi đó, hết thảy chúng Bồ-tát nghe nói về tên gọi nơi mười địa của Bồ-tát rồi, tất cả đều khao khát muốn được nghe giảng nói, giải thích thêm, cùng suy nghĩ như vậy: Do nhân duyên gì, Bồ-tát Kim Cang Tạng này giảng nói về tên gọi nơi mười địa của Bồ-tát rồi thì lặng yên an trú không giải thích thêm?

Lúc ấy, trong chúng Đại Bồ-tát có Bồ-tát tên là Giải Thoát Nguyệt, nhận biết tâm niệm của các Bồ-tát có điều nghi hoặc, liền dùng kệ hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng:

Tại sao người tịnh giác,

Niệm-trí-công đức đủ,

Nói các địa thượng diệu,
 Có sức không giải thích?
 Quyết định hết thầy đây,
 Bồ-tát tên tuổi lớn,
 Sao nói tên các Địa,
 Nhưng không giảng rộng nghĩa?
 Chúng đây đều thích nghe,
 Phật tử trí không sợ,
 Nghĩa của các Địa ấy,
 Xin phân biệt nêu bày.
 Chúng đây đều thanh tịnh,
 Nghiêm tịnh không lười nhác,
 An trú trong vững bền,
 Công đức, trí đầy đủ.
 Nói nhau, đứng chiêm ngưỡng,
 Hết thầy đều cung kính,
 Như ong câu mật ngon,
 Như khát nghĩ cam lồ”.

Luận: Tại sao an trú trong im lặng? Là muốn cho đại chúng khát ngưỡng thỉnh cầu giảng nói. Lại làm tăng thêm lòng tôn kính pháp của Bồ-tát.

Tại sao Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thừa thỉnh trước? Vì Bồ-tát là thượng thủ trong đại chúng. Bồ-tát hỏi trước để ngăn chặn những câu hỏi khác để gây cảnh rối loạn.

Vì sao dùng kệ tụng để thỉnh? Là do ít chữ mà thâm nhiếp nhiều nghĩa. Những lời khen ngợi đa phần dùng thể kệ tụng.

Năm bài kệ vừa nói có những ý nghĩa gì? Chúng làm sáng tỏ, chỉ rõ là người giảng nói và người nghe không có các lỗi lầm. Nếu có lỗi thì không nên nói. Ở đây là hiển bày nêu rõ người giảng nói hoàn toàn thanh tịnh nhận biết, không lỗi gì. Lại cũng làm sáng tỏ người nghe đều có chung pháp quyết định và ưa thích nghe.

Lại nữa, chỉ rõ về số còn lại tâm đều thanh tịnh, cũng hiển bày đại chúng này đều đủ khả năng nghe pháp, cho nên lời kệ nói: Nói nhau đứng chiêm ngưỡng.

Thế nào là tán thán sự thuyết giảng? Kệ nói:

Tại sao người tịnh giác,
 Niệm-trí-công đức đủ,
 Nói các địa thượng diệu,

Có sức không giải thích?

Do đâu chỉ khen sự tỉnh giác thanh tịnh? Vì tỉnh giác thanh tịnh là nói về nhân.

Giác là giác quán, là lời nói, việc làm đều thanh tịnh, tức là nói về nhân.

Tại sao không nói? Khen ngợi sự giác quán thanh tịnh có hai loại:

1. Thâu nhiếp để đối trị.
2. Lìa hết các lỗi lầm.

Trong đó, niệm-trí đủ là thâu nhiếp để đối trị. Sự đối trị có hai loại:

1. Giác quán xen tạp.
2. Nhân của giác quán bị xen tạp do nhớ tưởng phân biệt.

Niệm là bốn niệm xứ, đối trị với giác quán xen tạp.

Trí là trí chân như vô tướng, đối trị với nhân giác quán xen tạp do những nhớ tưởng phân biệt. Phần còn lại là chỉ rõ việc lìa mọi lỗi lầm. Lỗi lầm ấy có ba loại. Nếu có ba lỗi ấy thì không thể giảng nói. Những gì là ba?

1. Keo kiệt, ganh tị.
2. Lười biếng giảng nói pháp.
3. Không ưa thích giảng nói pháp.

Keo kiệt là tâm tiếc lẩn đối với pháp.

Ganh tị là ghét người khác có trí tuệ hơn mình.

Công đức đầy đủ là đủ các công đức như không sân hận... chỉ rõ là không có lỗi lầm đầu. Nói địa thượng diệu là chỉ rõ cho biết không có lỗi thứ hai. Có lực là bảo cho biết không có lỗi thứ ba.

Hai loại như vậy là giác quán thanh tịnh.

Đã nói xong phần Khen ngợi người giảng nói. Tiếp theo là phần Khen người nghe. Kệ nêu:

*Quyết định hết thấy đây,
Bồ-tát tên tuổi lớn,
Sao nói tên các Địa,
Nhưng không giảng rộng nghĩa?*

Quyết định là thông tuệ luôn thấu tỏ. Quyết định có ba loại:

1. Quyết định trên hết là nguyện đại Bồ-đề.
2. Quyết định danh văn là khéo kính trọng người khác.
3. Quyết định thâu nhận là người giảng nói pháp đã khéo nhận biết. Kệ nói: Bồ-tát có tên tuổi lớn, nói tên của các địa. Thứ tự như vậy cho nên biết. Tuy có quyết định, có thể thọ nhận là pháp khí, nhưng tâm

không muốn nghe thì cũng không được nêu giảng. Kệ nói:

*Chúng đây đều thích nghe,
Phật tử, trí không sợ,
Nghĩa của các Địa ấy,
Xin phân biệt nêu bày.*

Quyết định là ở đây có quyết định về A-hàm, không phải là quyết định chứng đắc. Có quyết định hiện tiền và quyết định không hiện tiền. Quyết định như vậy là pháp khí không đầy đủ cho nên không thể nghe nhận. Chỉ rõ đại chúng hiện có ở đây là quyết định đầy đủ, cho nên có thể nghe nhận. Kệ nói: “Phật tử trí không sợ”. Trí có hai loại:

1. Chứng pháp.
2. Hiện thọ.

Như vậy là khéo nhận biết về pháp khí đầy đủ cho nên mới thỉnh cầu Kim Cang Tạng. Nghĩa của các địa như vậy, cho nên nguyện là phân biệt mà nói.

Đã khen ngợi về chúng đồng pháp, quyết định ưa thích nghe về công đức. Sau đây là khen ngợi chúng khác. Kệ nói:

*Chúng đây đều thanh tịnh,
Nghiêm tịnh không lười nhác,
An trú trong vững bền,
Công đức, trí đầy đủ.*

Thanh tịnh là không đục-cấu. Đục, cấu có sáu loại. Liạ khỏi những loại đục-cấu này cho nên gọi là thanh tịnh. Những gì là sáu loại ?

1. Đục cấu của sự không mong muốn.
2. Đục cấu về oai nghi.
3. Đục cấu của triền cái (những thứ buộc, che).
4. Đục cấu vì tưởng nghĩ khác: Tâm ganh ghét kẻ hơn, tâm phá hoại.
5. Đục cấu vì không đủ công đức, tức là căn thiện nhỏ kém, cho nên đối với lời nói của Bồ-tát, tâm không ưa an trú.
6. Đục cấu vì ngu si, là ngu tối.

Đối trị với sáu loại đục, cấu này, có sáu loại không đục cấu:

1. An trú nơi kiên cố: Là tu hành kiên cố theo pháp đã giảng nói. Như vậy, thứ tự cùng đối trị. Xa liạ biếng nhác là để đối trị đục cấu không mong muốn.
2. Nghiêm là để đối trị đục cấu về oai nghi.
3. Thanh tịnh là để đối trị với đục cấu của triền-cái (Những thứ buộc trói, ngăn che).

4. Kiên cố là đối trị với đục cấu nghĩ tưởng khác lạ.
5. Công đức đầy đủ đối trị với đục cấu không đủ công đức.
6. Trí đầy đủ là đối trị với đục cấu do ngu si.

Sáu câu ấy nêu bày nơi hai kệ kia, làm rõ về chúng đồng sinh thanh tịnh. Kệ kế tiếp là hiển bày chúng dị sinh thanh tịnh. Một kệ sau là chỉ rõ về hai chúng thanh tịnh. Kệ nói:

*Nói nhau cùng chiêm ngưỡng,
Hết thấy đều cung kính,
Như ong hút mật ngon,
Như khát nghĩ cam lồ.*

Nói nhau cùng chiêm ngưỡng là chỉ bày không có tâm tạp nhiễm. Đều cung kính là chỉ sự kính trọng pháp, không phải là tâm ganh ghét. Nửa kệ sau là dụ về sự kính pháp càng trở cho nên sâu xa. Kệ này, câu: “Nói nhau cùng chiêm ngưỡng” là Tổng tướng. Hết thấy cùng cung kính là Biệt tướng.

Như vậy, những kệ còn lại, câu đầu là Tổng tướng, những câu khác là Biệt tướng. Các tướng Đồng-Dị-Thành-Hoại thì như trên đã nói. Kệ nói:

*Trí lớn không sợ hãi,
Kim Cang Tạng nghe rồi,
Muốn đại chúng vui vẻ,
Tức thì nói kệ tụng.
Hiếm có khó bậc nhất,
Bồ-tát nêu hành hóa,
Trước phân biệt việc địa,
Căn bản của chư Phật.
Lìa niệm tình khó thấy,
Phi tâm địa khó đạt,
Cảnh giới trí vô lậu,
Nếu nghe thì mật mờ.
Giữ tâm như kim cang,
Tin sâu trí tuệ Phật,
Tâm địa trí vô ngã,
Vi tế trí nghe được.
Như vẽ vào hư không,
Như tướng gió cõi không,
Trí phân biệt như vậy,
Khó thấy Phật vô lậu.*

*Ta nghĩ trí tuệ Phật,
Khó biết nhất trong đời,
Pháp hy hữu, khó tin,
Vì vậy Ta im lặng.*

Luận: Nơi kệ thứ nhất, câu: “Muốn đại chúng vui vẻ” là câu trả lời theo tướng chung. Có hai cách đáp lại:

1. Có thể đáp lại.
2. Đáp lại không khiếm nhược, tức là kệ nói: “Trí lớn không sợ hãi”.

Lìa việc không thể đáp lại. Lìa việc đáp lại không chính đáng. Hai điều này chứng tỏ mình và người không ai có lỗi. Thế nào là tướng đáp lại chính đáng? Do pháp này khó giảng nói và khó nghe. Thế nào là khó giảng nói? Kệ nói:

*Hiếm có khó bậc nhất,
Bồ-tát nêu hành hóa,
Trước phân biệt việc địa,
Căn bản của chư Phật.*

Khó là khó đạt được. Có hai loại khó:

1. Rất khó.
2. Khó vì chưa từng có.

Kệ nói: Hiếm có cho nên khó bậc nhất. Hai điều này chỉ ra chỗ khó giảng nói. Thế nào là khó? Kệ nói: Bồ-tát chỗ hành trì chỉ rõ trước là phân biệt việc của địa. Bồ-tát hành trì là trí xuất thế gian. Chỉ rõ là chỉ bày, làm sáng tỏ. Việc của địa là việc làm của Bồ-tát ở các địa. Trước hết là phân biệt, tức là nói về sự thù thắng. Bồ-tát làm những gì? Kệ nói: Căn bản của chư Phật. Phật là giác ngộ về trí Phật.

Đã nói là khó nói, lại nói lý do của cái khó. Những gì là khó? Là nghĩa trú của việc Bồ-tát làm thì không thể giảng nói như vậy. Nghĩa trú là gì? Kệ nói:

*Lìa niệm tinh khó thấy,
Phi tâm địa khó đạt,
Cảnh giới trí vô lậu,
Nếu nghe thì mịt mờ.*

Trong kệ này, câu khó đạt là nêu chung, còn những câu khác là nêu riêng. Khó đạt là khó chứng đắc. Có bốn loại khó đạt:

1. Do quá vi tế cho nên khó đạt.
2. Khó thấy cho nên khó đạt.
3. Lìa niệm cho nên khó đạt.

4. Không phải là cõi tâm cho nên khó đạt.

Do quá vi tế cho nên khó đạt không phải là cảnh giới của Văn tuệ. Những việc thô thiển thì không cần tư duy.

Khó thấy cho nên khó đạt, không phải là cảnh giới của Tư tuệ.

Lìa niệm cho nên khó đạt, không phải là cảnh giới của Tu tuệ thế gian. Điều này chỉ rõ sự phân biệt về tâm, tâm số pháp trong ba cõi, không phải là cảnh giới của trí tu đạo thế gian.

Không phải là cõi tâm cho nên khó đạt được, là chỉ rõ việc sinh khởi điều thiện nơi hiện báo, không phải là cảnh giới của trí tu đạo.

Đây là nêu bày về cảnh giới của tâm, tức là cõi tâm. Cảnh giới của cái gì? Kệ nói: Cảnh giới của trí. Thế nào là trí? Là thấy được nghĩa thật.

Tại sao không phải là cảnh giới khác? Vì đó là vô lậu. Vô lậu có nghĩa là xuất thế gian. Nghĩa này không ở trong lĩnh vực của trí thế gian, mà là nghĩa hết mực thâm diệu cho nên không thể hiểu, không thể giảng nói.

“Nếu nghe thì mịt mờ”: Thế nào là mịt mờ? Là tùy theo chỗ nghe rồi chấp giữ điều ấy. Người nghe là đã nghe, chẳng phải là không nghe. Đã biện luận xong phần khó giảng nói, tiếp theo là nói về nghĩa khó nghe (lãnh hội). Kệ nói:

*Giữ tâm như kim cang
Tin sâu trí tuệ Phật,
Tâm địa trí vô ngã,
Trí vi tế nghe được.*

“Như kim cang” là cứng chắc như kim cang. Có hai loại cứng chắc:

1. Cứng chắc của sự quyết định tin tưởng.
2. Cứng chắc của sự chứng đắc.

Ba câu này nêu bày sự cứng chắc là tổng. Phần còn lại là biệt. Thế nào là tin sâu trí tuệ Phật? Vì chỉ là sự nhận biết của Phật, không phải là cảnh giới của mình. Sự giác ngộ của Phật là vô biên. Khi giáo hóa chúng sinh, Phật giảng nói nhiều pháp môn, nhiều thứ để tin.

Tâm địa ấy là gì? Thế nào là trí vô ngã?

Tâm địa là tùy theo tâm mà nhận lấy quả báo trong ba cõi. Lại nữa, hết thấy cảnh giới tùy theo nẻo hành của tâm cũng gọi là Tâm địa.

Trí vô ngã có hai loại: Là Ngã không và Pháp không, là nhận biết đúng như thật.

“Vi tế trí nghe được” là khó nhận biết. Vi tế như vậy, ở trước đã nói. Có thể lấy ví dụ để làm sáng tỏ nghĩa vi tế. Kệ nói:

*Như vẽ vào hư không,
Tướng gió thổi cõi không,
Trí phân biệt như thế,
Khó thấy Phật vô lậu.*

Kệ này nêu bày việc vẽ hình sắc vào hư không, hư không như bức tường, trong đó không trú cho nên không thể thấy. Như gió thổi qua hư không thì hư không như cây lá, trong ấy không trú cho nên không thể thấy. Nhưng về động tác thì không phải là không có hai việc ấy trong hư không. Sự việc xảy ra trong hư không như vậy là không thể nói về nơi chốn. Việc gió thổi, vẽ hoa ấy như đã nói, do chúng không có tự tánh cho nên không thể thấy được, vì chúng không trú vào đâu do sự dung nạp kia. Lời nói này không chứa ở đâu trong hư không. Trí Phật cũng như vậy. Nếu lấy lời nói để hiển bày về cảnh giới phân biệt phần thù thắng, thì khó thấy. Vẽ là dụ cho danh tự-cú thân. Vì sao? Vì dựa vào tướng mà nêu bày. Gió là dụ cho âm thanh. Nêu bày (Nói) là dùng hai thứ ấy để nói. Nghe cũng nhờ hai thứ ấy để nghe. Nếu như vậy thì có thể giảng nói, có thể nghe (lãnh hội). Như vậy là khó thấy.

*Ta nghĩ tới trí Phật,
Khó biết nhất trong đời,
Pháp hy hữu khó tin,
Vì vậy Ta im lặng.*

Khó biết là khó chứng đắc. Khó tin là khó sinh tâm quyết định. Kệ này chỉ rõ là có chứng đắc có tin, có thể giảng nói, có thể nghe (lãnh hội), nhưng do thế gian khó có thể chứng-tin, cho nên Ta không nói.

Kinh: “Bấy giờ, sau khi nghe nói như vậy rồi, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt mới thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng: Thưa Phật tử! Các Bồ-tát này khéo làm thanh tịnh chúng hội, khéo làm thanh tịnh tâm tâm, khéo làm thanh tịnh các niệm, khéo gom chứa các hạnh, phần đông đều thân cận chư Phật, khéo tích tập các pháp trợ đạo, đầy đủ vô lượng công đức, lìa bỏ ngu si-nghi ngờ-hối tiếc, không còn cấu nhiễm, giỏi an trú nơi thâm tâm, tin theo pháp Phật, không theo giáo pháp nào khác. Lành thay Phật tử! Xin diễn nói nghĩa này. Pháp sâu thẳm như vậy, các Bồ-tát này đều có khả năng nhận biết, chứng đắc”.

Luận: Tại sao Thánh giả Giải Thoát Nguyệt lại khen ngợi chúng này? Như trên vừa nói: Thế gian tin, chứng là khó đạt được, vì vậy chỉ rõ đại chúng này có thể thọ nhận, lãnh hội.

Khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa (thâm tâm) là tổng. Khéo làm thanh tịnh thâm tâm ấy có hai loại:

1. A-hàm thanh tịnh.

2. Chứng đắc thanh tịnh.

- A-hàm thanh tịnh có năm loại:

1. Mong muốn thanh tịnh: Tùy ở chỗ nhớ nghĩ nơi A-hàm mà được phương tiện niệm giác thanh tịnh. Như Kinh: Khéo làm thanh tịnh các niệm.

2. Cầu đạt thanh tịnh: Là có thể tùy thuận nơi hành cung kính của thân, miệng. Như Kinh: Khéo gom chứa các hạnh.

3. Thọ trì thanh tịnh: Là học rộng ghi nhớ vâng giữ không lầm lẫn, trải qua vô lượng đời. Như Kinh: Phần nhiều đều thân cận chư Phật.

4. Nơi sinh được thanh tịnh: Là nguyện được sinh lên cảnh giới ở trên thù thắng, tâm niệm tốt hơn. Như Kinh: Khéo tích tập các pháp trợ đạo.

5. Hành thanh tịnh: Là mong giỏi chứng đắc pháp, sống quen với thiếu dục, đầy đủ... thành tựu nhiều công đức. Như Kinh: Đầy đủ vô lượng công đức.

- Chứng đắc thanh tịnh có bốn loại:

1. Đắc thanh tịnh: Là trí hiện tại khéo quyết định. Như Kinh: Là ngu si-nghi ngờ-hối tiếc.

2. Bất hành thanh tịnh: Là trong tu đạo, mọi thứ phiền não không hiện hành. Như Kinh: Không có cấu nhiễm.

3. Không nhầm chán thanh tịnh: Là không ham thích Tiểu thừa, đạt được tâm hy vọng tối thắng. Như Kinh: An trú nơi tâm sâu xa tin tưởng. Tâm sâu xa là hy vọng, mong muốn. Tin là quyết định. Lại còn nhớ nghĩ giữ gìn mọi công đức.

4. Không theo giáo pháp khác thanh tịnh: Là hướng đến tận cùng nơi đạo pháp, với chánh hạnh của mình. Như Kinh: Chỉ ở trong pháp Phật, không theo giáo pháp khác.

Kinh: “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Phật tử: Tuy chúng Bồ-tát này đã khéo làm thanh tịnh tâm tin sâu xa, khéo làm thanh tịnh các niệm, khéo gom chứa các hạnh, phần đông đều thân cận với chư Phật, giỏi tích tập các pháp trợ đạo, đầy đủ vô lượng công đức, lìa bỏ ngu si-nghi ngờ-hối tiếc, không có cấu nhiễm, giỏi an trú nơi tâm sâu xa tin tưởng, chỉ ở trong pháp Phật, không theo giáo pháp khác. Ngoài ra, ai ưa thích pháp nhỏ, khi nghe nói đến sự việc hết sức thâm diệu khó nghĩ bàn này, phần nhiều sinh ra nghi hoặc, thì những kẻ ấy chịu mọi

bất lợi lâu dài, cùng với suy tổn khổ não. Ta xót thương những trường hợp đó cho nên im lặng”.

Luận: Thánh giả Kim Cang Tạng đã lãnh hội những lời khen ngợi về chúng công đức thanh tịnh do Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói, nhưng ở trong chỗ thuyết pháp, nếu không thấy có pháp khí thì nghe chỉ tăng thêm nghi hoặc, cho nên không nói.

Đối với một pháp, có hai lỗi: Nghi có nghĩa là do dự, trái với chánh hạnh. Hoặc nghĩa là tâm mê muội, có thể hủy hoại pháp thiện, xa rời pháp thiện. Như vậy, chỉ rõ là không thọ nhận nhân thực hành, mà thọ nhận nhân làm thói chuyển.

Kinh: “Khi đó, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng: Hay thay Phật tử! Một lần nữa xin thỉnh cầu việc này. Mong vâng theo thần lực của Phật khéo phân biệt về pháp không thể nghĩ bàn này, đã được Phật hộ niệm, khiến cho mọi người dễ tin hiểu. Vì sao? Vì khéo giảng nói về nghĩa của mười địa, chư Phật trong mười phương theo pháp mà hộ niệm, hết thấy Bồ-tát giữ gìn Trí địa này với phương tiện đều siêng năng thực hành. Tại sao vậy? Đây là việc đầu tiên Bồ-tát phải hành trì để thành tựu tất cả pháp của chư Phật.

Thưa Phật tử! Ví như hết thấy thư-chữ-số-ngôn thuyết đều bao gồm trong chương đầu, vì chương đầu là căn bản. Không có việc nêu bày thư-chữ-số-lời nói mà không đưa vào chương đầu. Như vậy, thưa Phật tử! Mười địa này là phần căn bản của hết thấy pháp Phật. Bồ-tát nào thực hành đầy đủ mười địa này thì có khả năng được tất cả trí tuệ. Do vậy, kính xin Phật tử giảng nói nghĩa đó. Chư Phật hộ niệm sẽ tăng thêm thần lực khiến người tin, nhận, không thể bị phá hoại”.

Luận: Tại sao Thánh giả Giải Thoát Nguyệt lại thưa thỉnh một lần nữa? Đó là chỉ rõ nghi hoặc đối với nơi trường hợp này là khó tránh. Nếu không giảng nói thì mắc nhiều lỗi, hết thấy pháp Phật không thể thành tựu. Do ý nghĩa đó, cho nên thưa thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng một lần nữa. Nếu chư Phật có diệu lực thì có thể khiến phát sinh lòng tin. Tại sao chúng sinh ở trong pháp ấy còn khởi ý hủy báng? Có hai loại quyết định:

1. Quyết định do chiêu cảm từ quả báo.
2. Quyết định do tạo nghiệp.

Có hai loại quyết định này thì oai lực của chư Phật không thể chuyển được.

Những việc phải làm đầu tiên: Tức là phải nương vào A-hàm để hành trì.

Thành tựu hết thấy pháp Phật là chứng đắc trí tuệ. Viết ra (Thư) là hình tướng của chữ, như hình chữ Tư, hình tướng sư tử... Chữ là âm a, á... Số là danh từ, câu văn, hai yếu tố này là nghĩa của Số. Nói là ngôn ngữ. Tất cả thư-chữ-số-lời nói là phần căn bản của chương đầu.

Kinh: “Bấy giờ, chúng Bồ-tát cùng lúc đồng thanh dùng kệ để thưa thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng:

*Trí thượng diệu sạch cấu,
Biện giải vô lượng nghĩa,
Diễn nói êm-hay-đẹp,
Tương ứng nghĩa chân thật.
Niệm vững-tuệ thanh tịnh,
Là mười lực tâm tịnh,
Phân biệt nghĩa không ngại,
Nói pháp mười địa này.
Định-giới-ý chính sâu,
Lìa ngã mạn-vọng kiến,
Chúng đây không tâm nghi,
Mong được nghe khéo nói.
Như khát nghĩ nước mát,
Như đói nghĩ món ngon,
Như bệnh nghĩ thuốc hay,
Như ong cần mật ngọt.
Chúng tôi cũng như vậy,
Nguyện nghe pháp cam lồ,
Lành thay! Trí thanh tịnh,
Nói địa hơn không cấu,
Đủ mười lực không ngại,
Nói hết đạo Thiên Thệ”.*

Luận: Kệ thứ nhất khen ngợi việc chứng đắc lực, thành tựu biện tài. Kệ thứ hai, câu đầu là khen ngợi diệu lực của A-hàm, thành tựu biện tài. Do chứng đắc lực là diệu lực của A-hàm lực cho nên có thể giảng nói. Vì vậy mà tán thán. Chữ Trên (Thượng) là tổng. Lại nữa, chữ Trên là chỉ rõ chứng đắc lực, biện tài thù thắng. Tán thán về biện tài có ba loại:

1. Trí chân thật.
2. Thể tánh.
3. Quả.

Trí chân thật: Là trí vô lậu, hơn hẳn trí của hàng Thanh văn,

Duyên giác. Cho nên kệ nói: Trí thượng diệu sạch cấu.

Thể tánh: Là thành tựu biện tài vô lượng nghĩa. Kệ nói: Biện giải vô lượng nghĩa.

Quả: Là chữ-nghĩa được thành tựu, lại là thành tựu nghĩa của chữ, nêu bày lưu loát, hơn hẳn. Kệ nói: Diển nói lời hay đẹp, tương ứng nghĩa chân thật. Câu trên của kệ thứ hai là khen ngợi diệu lực của A-hàm. Kệ viết:

*Niệm vững-tuệ thanh tịnh,
Là mười lực, tâm tịnh,
Phân biệt nghĩa không ngại,
Nói pháp mười địa này.*

Niệm vững là thọ nhận-giữ gìn, hiển bày sự thuyết giảng. Bồ-tát này ở trong A-hàm có trí tuệ thanh tịnh vô ngại. Như vậy là khen ngợi về diệu lực chứng ngộ và diệu lực của A-hàm xong.

Kế tiếp là khiến người nghe đi vào sự chứng nhập nơi A-hàm, cho nên cầu giảng nói. Thế nào là đi vào chỗ chứng đắc? Là người đã đi vào địa thì khiến họ có được Phật lực. Ai chưa đi vào địa, thì giúp họ bước vào địa. Kệ nói: Là mười lực, tâm thanh tịnh.

Thế nào là chứng nhập nơi A-hàm? Nghĩa là phân biệt vô ngại khiến thọ trì pháp của mười địa.

Như vậy là đã khen ngợi sự thuyết giảng, thành tựu diệu lực chứng nhập, diệu lực của A-hàm xong. Tiếp theo là khen ngợi chúng hội có thể lãnh thọ A-hàm và diệu lực chứng nhập. Kệ nói:

*Định-giới- ý chính sâu,
Là ngã mạn-vọng kiến,
Chúng đây không tâm nghi,
Nguyện được nghe khéo nói.*

Trong kệ này, chữ Duy nguyện là tổng. Duy nguyện có hai loại :

1. Cầu A-hàm.
2. Cầu chánh chứng.

Có hai loại vọng tưởng, không thể nghe được A-hàm: Một là ngã; Hai là mạn. Do ngã mạn cho nên không sinh tâm tôn kính pháp và Pháp sư.

Lại có hai loại vọng tưởng cho nên không thể chứng đắc: Một là kiến; Hai là nghi. Kiến là nhận thức điên đảo. Nghi là không phát sinh lòng tin đối với việc không thể nghĩ bàn. Vọng là vọng tưởng trong nhận thức giống như kiến sử.

Có hai loại đối trị để có thể nghe A-hàm:

1. Định.

2. Giới. Định là tâm được điều phục.

Giới là khéo an trú trong oai nghi.

Lại nữa, có hai loại đối trị để có thể chứng nhập:

1. Chánh kiến.

2. Chánh ý.

Chánh kiến là khéo suy niệm về ý nghĩa. Chánh ý là đạt được hoan hỷ. Sâu là ý vi tế, khéo tư duy. Lại dùng các ví dụ để chỉ rõ sự cầu pháp của đại chúng càng sâu. Kệ nói:

*Như khát nghĩ nước mát,
Như đói nghĩ món ngon,
Như bệnh, nghĩ thuốc hay,
Như ong cần mật ngọt.
Chúng tôi cũng như vậy
Nguyện nghe pháp cam lồ.*

Bốn ví dụ này, dụ cho bốn loại ý nghĩa, chỉ rõ sự lãnh thọ chân chánh nơi nghĩa Bồ-tát giảng nói. Những gì là bốn?

1. Thọ trì.

2. Trợ lực.

3. Xa lìa.

4. An lạc hạnh.

Nghĩa này là thế nào? Như nước thì không thể nhai nhưng theo chỗ được mà uống. Như vậy về Văn tuệ bắt đầu nghe thì theo đó mà nghe và thọ trì. Như khi ăn thì nhai nuốt, sức nơi thân được hỗ trợ mới thành. Như vậy Tư tuệ thấu nạp chỗ pháp được nghe, trí lực được hỗ trợ để thành. Như uống thuốc hay, thuốc hoạt động sẽ dứt trừ bệnh. Như vậy, đủ Văn-Tư tuệ, thuận theo nghĩa chánh mà tu hành đúng pháp. Xa lìa hết thấy tai họa của tập khí phiền não. Như bầy ong nường vào mật, vui sống nơi trú xứ. Như vậy, Văn-Tư Tu tuệ là nơi nường tựa của quả Thánh. Yêu thích vị của hiện pháp, thọ nhận an lạc để hành trì. Như vậy là khen ngợi người giảng nói, người nghe và thỉnh cầu giảng nói pháp xong.

Sau đó là tán thán ích lợi của pháp được giảng nói, thấy cùng cầu thỉnh. Kệ nói:

*Lành thay! Trí thanh tịnh,
Nói địa hơn-không cấu,
Đủ mười lực không ngại,
Nói hết đạo Thiện Thế.*

Lành thay: Là nơi pháp được giảng nói đã khéo đầy đủ. Lành thay có ba thứ:

1. Nơi nương tựa.
2. Thể tánh.
3. Quả.

- *Nơi nương tựa*: Là tuệ thanh tịnh.

- *Thể tánh*: Là giảng nói về các địa là pháp chưa từng giảng nói thù thắng, là so sánh chỗ hơn của địa.

Vô cấu: Là giảng nói nghĩa không trái ngược. Nói nghĩa trái ngược có ba thứ cấu uế:

1. Nói đảo lộn.
2. Hủy báng Như Lai.
3. Đối gạt người nghe.

- *Quả*: Là đủ mười lực không chướng ngại, là quả của Bồ-đề.

Đã thỉnh cầu như vậy rồi, nhưng Bồ-tát vẫn chối từ không giảng nói. Tại sao không nói? Do sự thỉnh cầu chưa đầy đủ.

* * * * *